

**Bản án số: 45/2018/DS-ST**  
**Ngày: 08/11/2018**  
**V/v: “Tranh chấp tài sản  
chung”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KHÁNH HÒA**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **ĐÀM THỊ BÍCH NGỌC**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **NGUYỄN ĐỨC ĐẸP**  
2. Bà **NGUYỄN THỊ TỈNH**

*- Thư ký phiên tòa :* Bà **TRẦN THỊ HỒNG** – *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa:* Bà **PHẠM THỊ TRANG** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 206/2018/DS-ST ngày 29/5/2018 về “Tranh chấp tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXX-ST ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn A**

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn M**

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa

*Theo văn bản ủy quyền lập ngày 22/5/2018 tại Văn phòng công chứng Hoàng Long (ông M có mặt).*

*\* Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, Tp. NT, tỉnh Khánh Hòa.

*(Có mặt)*

*\* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị T**

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bà **Nguyễn Thị Y**

Địa chỉ: Tổ 4 (tổ 17 mới) Tây Nam, V, Tp. NT, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà **Nguyễn Thị H**

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

4. Ông **Nguyễn Văn M**

Địa chỉ: Thôn Đ, V, Tp. NT, tỉnh Khánh Hòa. *(Có mặt)*

**5. Bà Nguyễn Thị Ngọc H**

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

**6. Ông Nguyễn Văn M.**

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

**7. Bà Võ Thị Như B**

**8. Cháu Nguyễn Thanh T**

**9. Cháu Nguyễn Hoàng Anh Q**

Cùng địa chỉ: thôn Phú Nấm, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

(Bà T, bà Y, bà H, bà H, ông M, bà Ý, cháu T, cháu Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông Nguyễn Văn A (sinh năm 1939) và bà Võ Thị Các (sinh năm 1940) chung sống với nhau và sinh được 08 (tám) người con chung gồm: Ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Văn M, Bà Nguyễn Thị Ngọc H; ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn T (chết năm 2004 có vợ và con là bà Võ Thị Như B, cháu Nguyễn Thanh T, cháu Nguyễn Hoàng Anh Q). Ngoài ra, ông Nguyễn Văn A và bà Võ Thị Các không có người con riêng nào khác.

Bà Võ Thị Các (chết năm 1974), ông Nguyễn Văn A và bà Võ Thị Các có tạo lập được tài sản chung là diện tích  $1433,3m^2$ , tại thôn Đ, xã V, thành phố NT tỉnh Khánh Hòa, thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 4, được Ủy ban nhân dân thành phố NT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 931724, số vào sổ cấp GCN: CHO4010/22387 ngày 28 tháng 8 năm 2014. Thửa đất này hiện do ông A trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà Võ Thị Các chết không để lại di chúc, để tránh tranh chấp, mâu thuẫn trong gia đình nên ông A yêu cầu chia phần tài sản của bà Võ Thị Các là giá trị  $1/2$  diện tích đất  $1433,3m^2: 2 = 716.65 m^2$ ; Ông A xin nhận hiện vật và đồng ý sẽ thanh toán lại giá trị bằng tiền cho các con theo quy định pháp luật.

Ông A đồng ý với đơn giá đất thị trường là 300.000 đồng/ $m^2$  theo biên bản định giá ngày 19/9/2018. Về chi phí đo vẽ định giá ngày 19/9/2018 ông Nguyễn Văn A tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn là hoàn toàn đúng. Ông đồng ý nhận phần giá trị tài sản bằng tiền và giao phần đất được chia cho ông Nguyễn Văn A quản lý, sử dụng.

Ông T đồng ý đơn giá đất thị trường là 300.000 đồng/ $m^2$  theo biên bản định giá ngày 19/9/2018.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông M thống nhất T bộ yêu cầu và ý kiến trình bày của nguyên đơn, ông đồng ý giao phần giá trị tài sản thừa kế được chia cho nguyên đơn và không yêu cầu ông A thanh toán giá trị tiền cho ông.

\* Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn M trình

bày bằng văn bản: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản của mẹ là bà Võ Thị Các và xin nhượng lại cho cha là ông Nguyễn Văn A được toàn quyền sử dụng và định đoạt.

\* Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị Như B, cháu Nguyễn Thanh T và cháu Nguyễn Hoàng Anh Q trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin nhận phần giá trị tài sản thừa kế theo quy định pháp luật và đồng ý giao phần đất được chia cho ông Nguyễn Văn A quản lý sử dụng.

\*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia tài sản thừa kế của bà Võ Thị Các theo quy định pháp luật. Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Văn M, Võ Thị Như B, Nguyễn Thanh T và Nguyễn Hoàng Anh Q vắng mặt nhưng đã có ý kiến trình bày và đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Áp dụng án lệ số 26/2018/AL về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản đã được hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Người để lại di sản thừa kế là bà Võ Thị Các (chết năm 1974). Bà Các chết trước ngày công bố Pháp lệnh Thừa kế ngày 30/8/1990. Tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đang có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế thụ lý, giải quyết vụ án dân sự Tranh chấp về thừa kế tài sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Theo khoản 4 Điều 36 của pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì đối với việc thừa kế mở trước ngày ban hành pháp lệnh thì thời hiệu được tính từ ngày công bố pháp lệnh tức là ngày 10/9/1990, trong trường hợp này đến ngày 10/9/2020 mới hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, Tòa án thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 206/DS-ST ngày 29/5/2018 xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp chia tài sản chung”. Tuy nhiên, vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” do đó Hội đồng xét xử

xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp thừa kế tài sản” chứ không phải “Chia tài sản chung”, việc xác định lại quan hệ tranh chấp không làm thay đổi, ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

[2] *Về nội dung*: Theo trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, bị đơn ông Nguyễn Văn T và lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, lời trình bày của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt xác định ông Nguyễn Văn A và bà Võ Thị C là vợ chồng chung sống với nhau và có 08 người con, quá trình chung sống từ trước đến nay có tạo lập được tài sản chung là diện tích đất 1433,3m<sup>2</sup>.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Võ Thị C là  $\frac{1}{2}$  diện tích đất 1433,3m<sup>2</sup> theo quy định pháp luật là  $1433,3\text{m}^2 : 2 = 716,65\text{m}^2$ . Bà Võ Thị C (chết năm 1974) không để lại di chúc nên xác định di sản của bà C được chia theo pháp luật.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 19/9/2018 của Hội đồng định giá xác định giá thị trường tại thời điểm định giá là 300.000đ/m<sup>2</sup>. Như vậy, giá trị của tài sản chia di sản thừa kế của bà Võ Thị C là  $716,65\text{m}^2 \times 300.000\text{đ} = 214.995.000\text{đ}$ .

- Về diện thừa kế theo pháp luật xác định: gồm có ông Nguyễn Văn A, Ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Văn M, Bà Nguyễn Thị Ngọc H; ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn T (chết năm 2004 có vợ và con là bà Võ Thị Như B, cháu Nguyễn Thanh T, cháu Nguyễn Hoàng Anh Q được hưởng 1 suất thừa kế của ông T).

Đối với các ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn M trình bày ý kiến tự nguyện nhường phần thừa kế của mình được hưởng cho cha là ông Nguyễn Văn A, đó là sự tự nguyện của các đương sự nên HĐXX chấp nhận yêu cầu trên, cho nên phần thừa kế của các đương sự trên sẽ được giao cho ông Nguyễn Văn A.

Mỗi suất thừa kế được chia theo pháp luật có giá trị là :  $214.995.000\text{đ} : 9 = 23.888.333\text{đ}$ .

Ông Nguyễn Văn A có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế được hưởng cho những người như sau:

1. Ông Nguyễn Văn T được hưởng 1 suất thừa kế theo pháp luật là **23.888.333đ**.

2. Bà Võ Thị Như B, cháu Nguyễn Thanh T, cháu Nguyễn Hoàng Anh Q được hưởng 1 suất thừa kế theo pháp luật là **23.888.333đ**.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của ông Nguyễn Văn A sẽ thanh toán cho ông T và mẹ con bà B, cháu T và cháu Q số tiền trên vào ngày 08/12/2018.

3. Giao T bộ diện tích 1433,3m<sup>2</sup>, tại thôn Đ, xã V, thành phố NT tỉnh Khánh Hòa, thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 4, được Ủy ban nhân dân thành phố NT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 931724, sổ vào sổ cấp GCN: CHO4010/22387 ngày 28 tháng 8 năm 2014 cho ông Nguyễn Văn A được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

Ông Nguyễn Văn A có trách nhiệm liên hệ cơ quan chức năng để xác lập lại quyền sử dụng đất của mình theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn M có ý kiến trình bày tại đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt có công chứng tại Văn phòng Công chứng Trung T đồng ý nhượng lại phần giá trị được nhận cho ông Nguyễn Văn A và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí định giá: Tổng chi phí định giá là 5.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỉ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn T có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí 5% trên giá trị tài sản thừa kế được hưởng theo quy định pháp luật cụ thể:

Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí theo kỹ phần thừa kế được nhận là  $167.218.334đ \times 5\% = 8.360.916đ$  nhưng được trừ vào số tiền 1.875.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0009115 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT. Như vậy, ông Nguyễn Văn A phải nộp 6.485.916 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo kỹ phần thừa kế được nhận là  $23.888.333đ \times 5\% = 1.194.416đ$ .

Bà Võ Thị Như B, cháu Nguyễn Thanh T, cháu Nguyễn Hoàng Anh Q phải chịu án phí theo kỹ phần thừa kế được nhận là  $23.888.333đ \times 5\% = 1.194.416đ$ .

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Pháp lệnh thừa kế năm 1990;
- Căn cứ Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015.
- Căn cứ Điều 147, 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

1. Ông Nguyễn Văn A có trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế cho những người như sau:

1.1. Ông Nguyễn Văn A phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền là 23.888.333đ.

1.2. Ông Nguyễn Văn A phải thanh toán cho bà Võ Thị Như B, cháu Nguyễn Thanh T, cháu Nguyễn Hoàng Anh Q số tiền là 23.888.333đ.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của ông Nguyễn Văn A sẽ thanh toán cho ông T và mẹ con bà B, cháu T và cháu Q số tiền trên vào ngày 08/12/2018.

2. Giao T bộ diện tích 1433,3m<sup>2</sup>, tại thôn Đ, xã V, thành phố NT tỉnh Khánh Hòa, thuộc thửa đất số 144, tờ bản đồ số 4, được Ủy ban nhân dân thành phố NT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 931724, sổ vào sổ cấp GCN: CHO4010/22387 ngày 28 tháng 8 năm 2014 cho ông Nguyễn Văn A được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt (Có bản vẽ kèm theo).

Ông Nguyễn Văn A có trách nhiệm liên hệ cơ quan chức năng để xác lập lại quyền sử dụng đất của mình theo quy định của pháp luật

3. Ghi nhận ý kiến trình bày của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn M đồng ý nhượng lại phần giá trị được nhận cho ông Nguyễn Văn A và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Quy định chung: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thA một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.*

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí theo kỷ phần thừa kế được nhận là  $167.218.334đ \times 5\% = 8.360.916đ$  nhưng được trừ vào số tiền 1.875.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0009115 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT. Như vậy, ông Nguyễn Văn A phải nộp thA 6.485.916 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo kỷ phần thừa kế được nhận là  $23.888.333đ \times 5\% = 1.194.416đ$ .

3.3. Bà Võ Thị Như B, cháu Nguyễn Thanh T, cháu Nguyễn Hoàng Anh Q phải chịu án phí theo kỷ phần thừa kế được nhận là  $23.888.333đ \times 5\% = 1.194.416đ$ .

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niA yết bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKS.ND TP.NT;
- Chi cục THA.DS TP. NT;
- Dương sự ;
- Lưu An văn; Hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Đàm Thị Bích Ngọc**